

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN TẤT THÀNH

HỌC SINH TỰ HỌC – TUẦN 15 MÔN TIẾNG ANH – KHỐI 12

NỘI DUNG	
Tên bài học/ chủ đề - Khối lớp	Bài 8 : LIFE IN THE FUTURE
Hoạt động 1: <i>Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu.</i>	1. Tài liệu tham khảo: - Sách giáo khoa Tiếng Anh 12 - Bài 8 : LIFE IN THE FUTURE - Video bài giảng: https://youtu.be/eQl3mFafGvo - Tóm tắt kiến thức cần ghi nhớ (Phụ lục 1 – Đính kèm) 2. Yêu cầu: - Học sinh ghi chép cẩn thận Phụ lục 1 vào vở bài học. - Trong quá trình đọc và ghi chép, nếu thắc mắc học sinh điền vào Phiếu tổng hợp thắc mắc (Phụ lục 2 – Đính kèm) và sớm liên hệ với giáo viên để được kịp thời giải đáp
Hoạt động 2: <i>Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học.</i>	- Hoàn thành Phiếu học tập (Phụ lục 3 – Đính kèm), chụp và nộp lại theo yêu cầu của giáo viên.

PHỤ LỤC 1

UNIT 8: LIFE IN THE FUTURE

A. READING:

- pessimistic [ˌpesɪ'mɪstɪk] (adj) bi quan
- pessimist [ˌpesɪ'mɪst] (n) người bi quan
- optimistic [ˌɒptɪ'mɪstɪk] (adj) lạc quan
- optimist [ˌɒptɪ'mɪst] (n) người lạc quan
- terrorism [ˈterərɪzəm] (n) sự khủng bố
- terrorist [ˈterərɪst] (n) (adj)
- labor saving (a) tiết kiệm sức lao động
- wipe sth out (v) xóa bỏ, hủy bỏ
- space shuttle [speɪs 'ʃʌtl] (n) tàu con thoi
- depression [dɪ'preʃn] (n) tình trạng suy thoái
economic depression: [i:kə'nɒ:mɪk dɪ'preʃn] suy thoái về kinh tế
- corporation [ˌkɒpə'reɪʃn] (n) công ty kinh doanh
- far [fɑ] (adv) nhiều
- medical system [ˈmedɪkl 'sɪstəm] hệ thống y tế
- domestic chores [də'mestɪk tʃɔ] (n) công việc vặt trong nhà
- burden ['bʌdn] (n) gánh nặng
- for better or worse: bất chấp hậu quả ra sao
- micro technology (n) công nghệ vi mô
- telecommunications [ˌtelɪkə,mjʊni'keɪʃnz] (n) viễn thông
- to be bound to do sth: [baʊnd] chắc chắn (làm cái gì)
- to have a huge influence on: ['ɪnfluəns] có ảnh hưởng

B. SPEAKING

- holiday maker ['hɔ:lədeɪ 'meɪkər] (n) người đang đi nghỉ mát
- resort [rɪ'zɔt] (n) khu nghỉ mát
- Jupite ['dʒʊpɪtə] (n) sao Mộc
- Mars [mɑz] (n) sao hỏa
- cure for sth [kjʊə] (n) phương thuốc
- to declare [dɪ'kleɪr] (v) tuyên bố
- declared [dɪ'kleəd] (adj) được công khai
- astronaut ['æstrənɒt] (n) nhà du hành vũ trụ

C. LISTENING

- incredible [ɪn'kredəbl] (adj) tuyệt vời = fantastic, unbelievable
- centenarian [ˌsentɪ'neəriən] (n) người sống trăm tuổi
- eradicate [ɪ'rædɪkeɪt] (v) thủ tiêu, diệt trừ
- life expectancy [laɪf ɪks'pektənsɪ] (n) tuổi thọ trung bình
- eternal [ɪ'tənl] (adj) vĩnh cửu, bất diệt
eternal life (n)
- to mushroom ['mʌʃrʊm] (v) phát triển nhanh
- factor ['fæktə] (n) nhân tố
- to cure [kjʊə] (v) chữa cho khỏi bệnh
- curable ['kjʊərəbl] (adj) chữa được
- incurable [ɪn'kjʊərəbl] không chữa được

- to go electronic [ˌɪlek'trɒnɪk] (v) được điện khí hóa
- to disappear [ˌdɪsə'piə] (v) biến mất
- linked to ['lɪŋkt] được kết nối với
- to run on tiếp tục chạy
- methane gas ['miθeɪn gæs] (n) khí mê tan
- to be fitted with được lắp đặt
- progress ['prɒɡres] (n) sự tiến bộ
- straight line [streɪt laɪn] (n) đường thẳng
- to expect [ɪks'pekt] (v) mong đợi
- unexpected [ˌʌnɪks'pektɪd]
- responsibility [rɪ'spɒnsə'bɪlətɪ] (n) trách nhiệm
- to be responsible to sb for sth
- to contribute [kən'trɪbjʊt] (v) đóng góp
contribution [kən'trɪ'bju:ʃn] (n)
- to better one's own life: cải thiện cuộc sống của chính mình
- violent ['vaɪələnt] (adj) bạo lực
- to force [fɔs] (v) bắt buộc
- spacecraft ['speɪs'krɑft] (n) tàu vũ trụ
space station [speɪs 'steɪʃn] trạm vũ trụ
- to bring about xảy ra
- dramatic [drə'mætɪk] (adj) gây ấn tượng
dramatically [drə'mætɪklɪ] (adv)
- space-man (n) nhà du hành vũ trụ
- cosmonaut ['kɒzmonɒ:t] nhà du hành vũ trụ
- to land [lənd] (v) đổ bộ
- citizen ['sɪtɪzn] (n) công dân
- fatal disease [feɪtl dɪ'zɪz] bệnh chết người
- atmosphere ['ætməsfɪə] (n) khí quyển
- costly ['kɒstli] (adv) đắt tiền, quý giá
- prediction [prɪ'dɪkʃn] (n) lời dự đoán

- to be based on: dựa vào, căn cứ vào
- research [rɪ'sə:tʃ] (n) sự nghiên cứu
- average ['ævərɪdʒ] (adj) trung bình
- providing [prə'vaɪdɪŋ] (conj) với điều kiện là, miễn là
- to cut down: giảm bớt
- alcohol ['ælkəhɒl] (n) = wine (n) rượu
- to add [æd] (v) thêm vào
- medical science ['medɪkl 'saɪəns] (n) y học
- to die from old age: chết vì tuổi già
- to affect [ə'fekt] (v) tác động tới
- to be brought under control: bị chế ngự/ kiểm chế
- science fiction ['saɪəns 'fɪkʃn] (n) truyện khoa học viễn tưởng

READING

* TASK 1:

1. in 2. of 3. on 4. at 5. to
6. in 7. about 8. for 9. between 10. to.

* TASK 2:

1. Ø, 2. Ø, Ø, Ø, 3. Ø. The. the, 4. the. Ø, 5. the. Ø, 6. the. Ø, 7. the. Ø, 8. an. the. the, 9 Ø. the, 10. Ø ,a.

PHỤ LỤC 2
PHIẾU TỔNG HỢP CÂU HỎI – THẮC MẮC
CỦA HỌC SINH TRONG QUÁ TRÌNH TỰ HỌC – TUẦN 13

Trường THPT Nguyễn Tất Thành

Lớp: 10A...

Họ tên học sinh:.....Stt:.....

Bài	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
7	Mục: Phần:	1. 2. 3.
8		
9		

PHỤ LỤC 3
PHIẾU HỌC TẬP
UNIT 8: LIFE IN THE FUTURE

Choose the word or phrase (A, B, C or D) that best completes each sentence.

21. I'm going away _____ the end of February.
A. on B. at C. in D. of
22. It is becoming _____ challenging to find a good job nowadays.
A. more and more B. the more C. better and better D. the better
23. Alex failed his English exam, but his teacher is going to give him _____ chance to .pass it.
A. another B. the other C. the others D. other
24. Her eyes are different colors. One eye is gray, and _____ is green.
A. another B. the other C. the others D. other
25. _____ him the whole truth or he'll get angry with you.
A. If you don't tell B. Unless you tell C. Don't tell D. When you tell
26. This is the strangest case that the detective _____.
A. has ever investigated B. is ever investigating
C. ever investigates D. has never investigated
27. To reduce air pollution, _____.
A. all automobiles necessary to be banned from the city center
B. banning all automobiles from the city center should be done
C. it is necessary banning all automobiles from the city center
D. the authorities should ban all automobiles from the city center
28. Fred refused to travel by air because he was afraid of _____.
A. long B. lengths C. heights D. high
29. Don't worry! The plane _____ at the airport right now.
A. arrives B. arrived C. has arrived D. is arriving
30. _____ about the good news, Sarah seemed to be indifferent.
A. In spite of exciting B. In addition to exciting
C. In stead of being excited D. Because of being excited
31. He _____ for that company for five months when it went bankrupt.
A. has been worked B. has worked
C. had been working D. was working
32. " _____ does Joe like his new motorbike?" "He's crazy about it."
A. How B. What C. When D. Why
33. Some people think _____ to master a foreign language. However, it isn't.

- A. it's easy B. easy C. easily D. it is easily
34. Lien passed the oral test , _____pleased her parents.
A. that B. which C. what D. it
35. Most people prefer spending money _____it.
A. than earning B. from earning C. to earn D. to earning

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word or phrase that is closest in meaning to the underlined part in each of the following questions.

36. He was asked to account for his presence at the scene of crime.
A. complain B. exchange C. explain D. arrange
37. The teacher gave some suggestions on what could out for the examination.
A. effects B. symptoms C. hints D. demonstrations
38. I'll take the new job whose salary is fantastic.
A. reasonable B. acceptable C. pretty high D. wonderful

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to the underlined in each of the following questions.

39. About 95 percent of all animals are invertebrates which can live anywhere, but most, like the starfish and crabs, live in the ocean.
A. with backbones B. with ribs C. without ribs D. without backbones
40. He had never experienced such discourtesy towards the president as it occurred at the annual meeting in May.
A. politeness B. rudeness C. measurement D. encouragement

Phần 2: Trả lời

21		31	
22		32	
23		33	
24		34	
25		35	
26		36	
27		37	
28		38	
29		39	
30		40	

